



MSI Infinite 9SC-876IB Intel® Core™ i7 i7-9700 16 GB DDR4-SDRAM 1,51 TB HDD+SSD NVIDIA® GeForce RTX™ 2060 Windows 10 Home Máy tính để bàn Máy tính cá nhân Màu đen

Nhãn hiệu : MSI

Họ sản phẩm: Infinite

Mã sản phẩm: INFINITE
9SC-876IB

Tên mẫu : 9SC-876IB

MSI Infinite 9SC-876IB. Tốc độ bộ xử lý: 3 GHz, Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i7, Model vi xử lý: i7-9700. Bộ nhớ trong: 16 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR4-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 1,51 TB, Phương tiện lưu trữ: HDD+SSD. Model card đồ họa on-board: Intel® UHD Graphics 630, Model card đồ họa rời: NVIDIA® GeForce RTX™ 2060. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 10 Home, Cấu trúc hệ điều hành: 64-bit. Nguồn điện: 350 W. Loại khung: Máy tính để bàn. Sản Phẩm: Máy tính cá nhân. Màu sắc sản phẩm: Màu đen



Bộ xử lý		Cổng giao tiếp	
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Số lượng cổng USB 2.0 *	5
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i7	Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-A *	3
Thế hệ bộ xử lý	9th gen Intel® Core™ i7	Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-C *	1
Model vi xử lý *	i7-9700	Số lượng cổng VGA (D-Sub)	1
Số lõi bộ xử lý	8	Số lượng cổng DVI	✓
Các luồng của bộ xử lý	8	Số lượng cổng HDMI *	1
Tần số turbo tối đa	4,7 GHz	Số lượng cổng PS/2	1
Tốc độ bộ xử lý *	3 GHz	Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1
Đầu cắm bộ xử lý	LGA 1151 (Socket H4)	Giắc cắm micro	✓
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	12 MB	Đầu ra tai nghe	1
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache	Đường dây ra	✓
Tốc độ bus hệ thống	8 GT/s	Thiết kế	
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm	Loại khung *	Máy tính để bàn
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit	Thể tích	42 L
Tên mã bộ vi xử lý	Coffee Lake	Màu sắc sản phẩm *	Màu đen
Công suất thoát nhiệt TDP	65 W	Hiệu suất	
Tjunction	100 °C	Định vị thị trường	Chơi game
Phiên bản PCI Express	3.0	Kênh đầu ra âm thanh	7.1 kênh
Số lượng tối đa đường PCI Express	16	Sản Phẩm *	Máy tính cá nhân
Cấu hình PCI Express	1x16, 2x8, 1x8+2x4	Phần mềm	
Số lượng bộ xử lý được cài đặt	1	Cấu trúc hệ điều hành	64-bit
Bộ nhớ trong tối đa được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	128 GB	Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 10 Home
Loại bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	DDR4-SDRAM	Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	2666 MHz	Kiến trúc Intel® 64	✓
Bảng thông bộ nhớ được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý (tối đa)	41,6 GB/s	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Bộ nhớ		Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Bộ nhớ trong *	16 GB	Công nghệ InTru™ 3D	✓
Bộ nhớ trong tối đa *	32 GB		
Loại bộ nhớ trong	DDR4-SDRAM		
Khe cắm bộ nhớ	2x DIMM		

Dung lượng		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Tổng dung lượng lưu trữ *	1,51 TB	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Phương tiện lưu trữ *	HDD+SSD	Công nghệ Intel® Clear Video	✓
Tổng dung lượng ổ cứng HDD	1 TB	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Số lượng ổ cứng được cài đặt	1	Intel® TSX-NI	✓
Dung lượng ổ đĩa cứng	1 TB	Trạng thái Chờ	✓
Tổng dung lượng ổ cứng SSD	512 GB	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Số lượng ổ SSD được trang bị	1	Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổ định của Intel® (SIPP)	✓
Dung lượng ổ cứng thể rắn (SSD)	512 GB	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✗	Khóa An toàn Intel	✓
Đồ họa		Intel® OS Guard	✓
Card đồ họa rời *	✓	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✓
Card đồ họa on-board *	✓	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Model card đồ họa rời *	NVIDIA® GeForce RTX™ 2060	Mở Rộng Bảo Vệ Phần Mềm Intel® (Intel®SGX)	✓
Bộ nhớ card đồ họa rời	6 GB	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	37.5 x 37.5 mm
Loại bộ nhớ card đồ họa rời	GDDR6	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	SSE4.1, SSE4.2, AVX 2.0
Nhà sản xuất bo mạch GPU	Intel	Khả năng mở rộng	1S
Model card đồ họa on-board *	Intel® UHD Graphics 630	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	350 MHz	Thông số kỹ thuật giải pháp nhiệt	PCG 2015C
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1200 MHz	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	64 GB	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Số hiển thị được hỗ trợ (đồ họa on-board)	3	ID ARK vi xử lý	191792
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12.0	Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Phiên bản OpenGL của card đồ họa on-board	4.5	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✗
ID card đồ họa on-board	0x3E98	Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
hệ thống mạng		Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Kết nối mạng Ethernet / LAN *	✓	Điện	
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s	Nguồn điện *	350 W
Wi-Fi *	✓	Chứng nhận 80 PLUS	80 PLUS Bronze
Tiêu chuẩn Wi-Fi	Wi-Fi 5 (802.11ac)	Trọng lượng & Kích thước	
Chuẩn Wi-Fi	802.11a, 802.11b, 802.11g, Wi-Fi 4 (802.11n), Wi-Fi 5 (802.11ac)	Chiều rộng *	210 mm
Bluetooth	✓	Độ dày *	450 mm
Phiên bản Bluetooth	4.2	Chiều cao *	488 mm
		Trọng lượng *	13 kg
		Trọng lượng thùng hàng	15 kg
		Màn hình	
		Màn hình bao gồm *	✗



4719072675486

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.